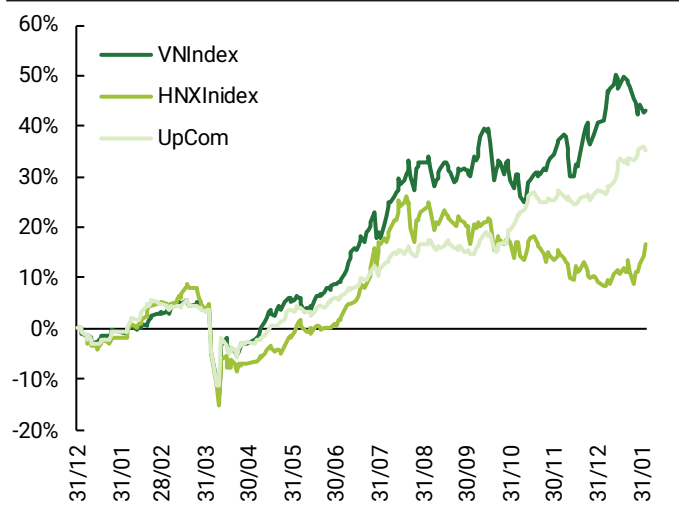


VN-Index	1813.4 (0.38%)
1052 Tr. cổ phiếu	33408.7 Tỷ VND (3.90%)
HNX-Index	265.18 (1.84%)
90 Tr. cổ phiếu	2357.9 Tỷ VND (6.77%)
UPCOM-Index	128.7 (-0.33%)
53 Tr. cổ phiếu	985.7 Tỷ VND (-27.61%)
VN30F1M	2000.00 (-0.24%)
237,367 HD	OI: 44,551 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1813.4, tăng +6.9 điểm (+0.38%). Thanh khoản tăng với độ rộng thị trường nghiêng về bên mua. VN30 giảm trong khi HNXIndex tăng.
 - Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực chốt lời chi phối trở lại trong phiên chiều khiến chỉ số thu hẹp một phần đà tăng. Dù vậy, dòng tiền tiếp tục luân chuyển tốt ở nhóm MidCap, với điểm nhấn trong phiên thuộc về nhóm Khu công nghiệp. Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp công bố kết quả kinh doanh vượt kỳ vọng cũng thu hút dòng tiền và phân hóa tích cực.
- Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Khu công nghiệp: SIP (+5.7%), SZC (+6.9%), KBC (+6.9%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GMD (+6.9%), GEE (+7.0%), GEX (+7.0%) | Thực phẩm và đồ uống: SAB (+4.4%), PAN (+4.7%) | Dịch vụ tài chính: VDS (+3.5%), VIX (+3.6%) | Tiện ích: GAS (+2.2%), REE (+2.5%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Ngân hàng: BID (-1.6%), LPB (-1.1%) | Tài nguyên Cơ bản: BMC (-3.6%), PTB (-2.3%) | Bán lẻ: MWG (-2.4%), FRT (-0.9%)
- Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, GEE, GVR, BVH, MBB - Chiều giảm | BID, VHM, MWG, TCB, VNM
- Khối ngoại: Bán ròng gần 600 tỷ, tập trung nhiều ở VIC, PNJ, VCB, trong khi mua ròng HPG, MBB, GEX.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** kết phiên với mẫu hình nến Shooting Star, hàm ý áp lực chốt lời đang trở lại chi phối. Về kỹ thuật, MACD và RSI có dấu hiệu cải thiện nhưng chưa đủ xác nhận xu hướng, diễn biến vẫn nghiêng về tích lũy sau nhịp hồi. Ở chiều tích cực, dù chỉ số dao động với biên độ hẹp, dòng tiền lại luân chuyển tích cực ở nhóm MidCap. Các mã đã tăng mạnh chứng lại và dòng vốn tìm đến các nhóm ngành có mức chiết khấu hấp dẫn hơn. Tuy vậy, rủi ro điều chỉnh từ các cổ phiếu trụ vẫn cần được lưu ý. Trong ngắn hạn, thị trường khả năng tiếp tục rung lắc, củng cố thêm nền giá quanh vùng 1800 (± 20 điểm).
- Đối với HNX-Index**, chỉ số tạo "gap tăng" và giữ đà phục hồi. Các chỉ báo kỹ thuật cũng đồng thuận cải thiện, củng cố thêm cho xu hướng. Kháng cự tiếp theo có thể hướng tới quanh ngưỡng 270 điểm trong khi hỗ trợ gần giờ là ngưỡng 260.
- Chiến lược:** Chiều mua mới phù hợp khẩu vị lướt sóng theo dòng tiền, NĐT có thể tận dụng tín hiệu kiểm định tốt hỗ trợ và ưu tiên các cổ phiếu vận động theo sóng ngành. Tỷ trọng chung nên được giữ ở mức trung bình, phòng ngừa rủi ro các cổ phiếu trụ tiếp tục điều chỉnh. Nhóm ngành nổi bật: Dầu khí, Thực phẩm và đồ uống, Bán lẻ, Dệt may.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua SAB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa				% Thay đổi				Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
		(%) 1D	(%) 1W	(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng	01 phiên trước		Trung bình 01 tuần	Trung bình 01 tháng					
Theo chỉ số																
VN-Index	1,813.4	🟡	0.38%	-0.9%	1.6%	33,408.7	▲	3.9%	30.3%	49.3%	1,051.7	▼	-0.3%	33.0%	49.1%	
HNX-Index	265.2	▲	1.84%	4.9%	6.6%	2,357.9	▲	6.8%	54.7%	81.0%	90.3	▼	-3.6%	44.2%	52.4%	
UPCOM-Index	128.7	▼	-0.33%	1.4%	6.4%	985.7	▼	-27.6%	-28.5%	27.7%	52.6	▼	-0.5%	-9.7%	23.5%	
VN30	1,997.7	▼	-0.3%	-1.1%	-1.6%	18,211.5	▼	-2.1%	19.5%	31.9%	439.3	▲	3.5%	30.6%	26.9%	
VNMID	2,257.4	▲	1.8%	3.3%	1.8%	12,489.6	▲	15.3%	56.5%	87.5%	408.9	▼	-0.2%	30.6%	58.2%	
VNSML	1,509.2	🟡	0.84%	2.4%	2.3%	2,098.5	▲	3.4%	74.9%	104.2%	122.7	🟡	0.1%	50.5%	82.5%	
Theo ngành (VNIndex)																
Ngân hàng	695.3	▼	-0.1%	1.41%	11.0%	9,046.8	▲	14.76%	17.6%	-11.2%	306.0	▲	10.5%	17.5%	-10.5%	
Bất động sản	682.9	🟡	0.1%	-13.6%	-17.6%	5,186.0	▲	12.8%	18.0%	2.5%	158.0	▲	2.8%	10.1%	-0.3%	
Dịch vụ tài chính	321.8	🟡	0.8%	-0.6%	2.7%	3,152.5	▲	3.8%	9.1%	-25.2%	122.6	▲	2.0%	7.1%	-24.0%	
Công nghiệp	273.8	▲	4.4%	-2.0%	-9.5%	2,240.2	▲	53.1%	102.3%	48.9%	57.0	▲	30.8%	80.2%	44.4%	
Tài nguyên cơ bản	531.2	🟡	0.7%	1.2%	1.1%	1,174.9	▼	-20.9%	-0.6%	-13.9%	49.0	▼	-21.3%	-0.1%	-13.8%	
Xây dựng - Vật Liệu	188.5	▲	1.7%	2.8%	3.5%	1,364.7	▲	13.5%	9.8%	8.1%	56.7	▼	-2.5%	-8.3%	-6.3%	
Thực phẩm	562.4	🟡	0.4%	2.9%	2.0%	2,539.4	▼	-14.9%	-7.3%	5.9%	55.5	▼	-6.3%	0.2%	7.8%	
Bán Lẻ	1,710.8	▼	-1.3%	12.9%	9.0%	1,912.1	▼	-23.3%	6.3%	66.9%	26.6	▼	-14.7%	18.6%	69.1%	
Công nghệ	553.8	▼	-0.3%	5.6%	8.4%	1,109.7	▼	-12.2%	-20.5%	-8.4%	15.3	▼	-8.1%	-4.5%	7.9%	
Hóa chất	213.4	▲	2.03%	6.2%	36.5%	1,320.7	▲	22.7%	32.0%	16.2%	34.4	▲	20.9%	32.8%	13.6%	
Tiện ích	948.7	▲	1.4%	4.9%	34.3%	911.1	▼	-22.6%	-8.7%	0.4%	32.8	▼	-11.4%	15.1%	9.6%	
Dầu khí	115.1	▼	-0.57%	12.4%	54.0%	1,579.8	▼	-22.6%	-9.8%	3.3%	46.8	▼	-27.0%	-13.4%	-10.5%	
Dược phẩm	455.3	🟡	0.7%	0.7%	3.7%	44.6	▼	-10.1%	-19.9%	-7.8%	1.6	▼	-50.2%	-41.9%	-26.4%	
Bảo hiểm	123.2	▲	5.9%	8.5%	25.6%	168.2	▲	20.6%	79.6%	25.7%	2.8	▲	7.6%	44.6%	-4.9%	

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,813.4	0.38%	1.6%	16.3x	2.3x
SET-Index	Thái Lan	1,336	1.11%	6.1%	14.1x	1.3x
JCI-Index	Indonesia	8,123	2.52%	-6.1%	19.8x	2.1x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,776	0.24%	3.8%	16.9x	1.5x
PSEi Index	Phillipines	6,402	1.67%	5.8%	10.5x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,068	1.29%	2.5%	19.2x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,835	0.22%	4.7%	13.6x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	54,721	3.92%	8.7%	22.3x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,976	0.54%	1.9%	27.9x	5.6x
Dow Jones	Mỹ	49,408	1.05%	2.8%	25.6x	5.9x
FTSE 100	Anh	10,330	-0.11%	4.0%	15.6x	2.4x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	6,040	0.54%	4.3%	18.2x	2.6x
DXV		97.6	0.64%	-10.0%		
USDVND		26,008	-0.03%	2.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

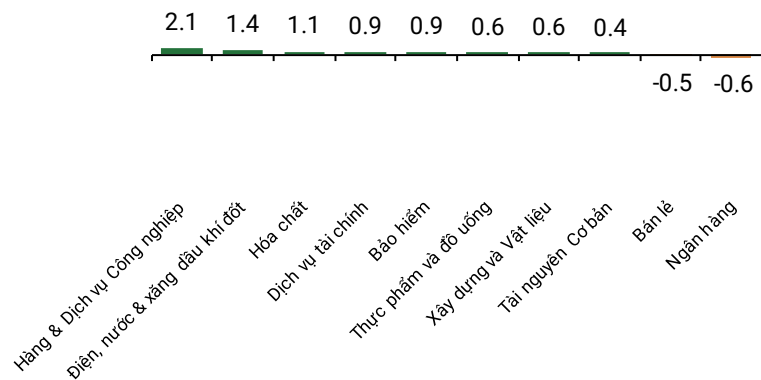
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent		0.1%	9.2%	-11.1%	-12.7%
Dầu WTI		0.1%	8.5%	-13.3%	-15.0%
Khí gas		-0.2%	-10.7%	-11.0%	-3.6%
Than cốc (*)		0.0%	0.0%	-10.6%	-4.6%
Thép HRC (*)		-0.2%	0.1%	-5.7%	-5.2%
PVC (*)		0.0%	0.0%	-11.5%	-12.4%
Phân Urea (*)		6.3%	11.0%	22.6%	16.9%
Cao su thiên nhiên		-0.1%	2.8%	-5.4%	-4.7%
Bông Cotton		-0.7%	-2.0%	-8.3%	-5.0%
Đường		1.9%	-0.4%	-24.5%	-24.5%
World Container Index		-4.7%	-4.78%	-44.6%	-37.4%
Baltic Dirty tanker Index		1.8%	43.5%	86.8%	96.6%
Vàng		0.5%	13.5%	87.4%	74.7%
Bạc		1.8%	19.1%	200.1%	174.5%

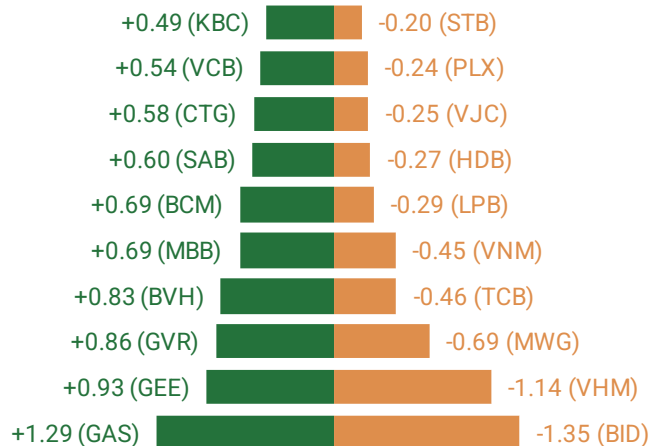
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

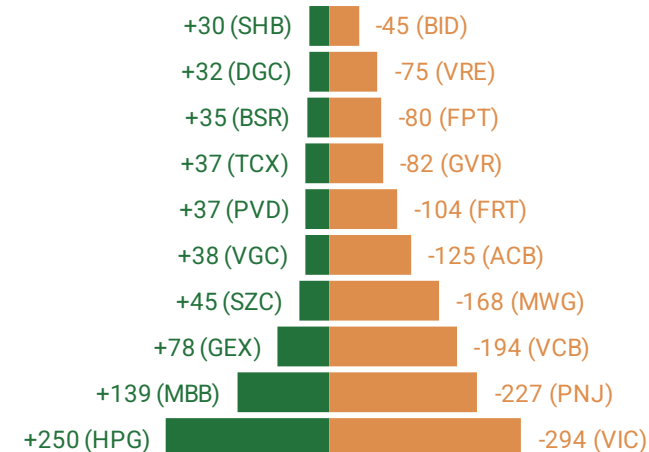


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

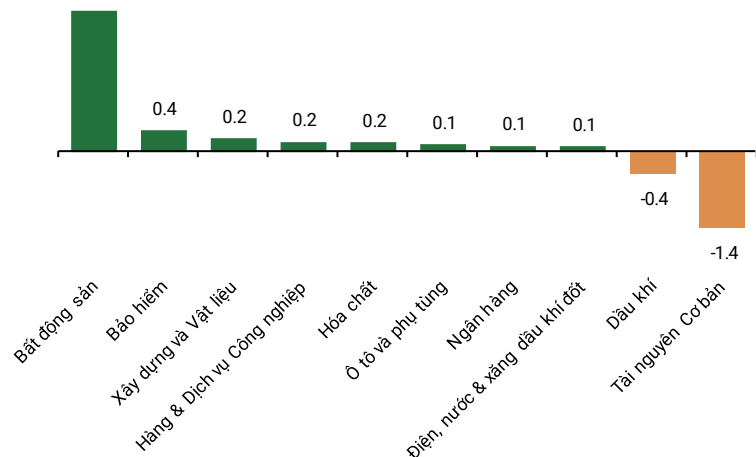


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

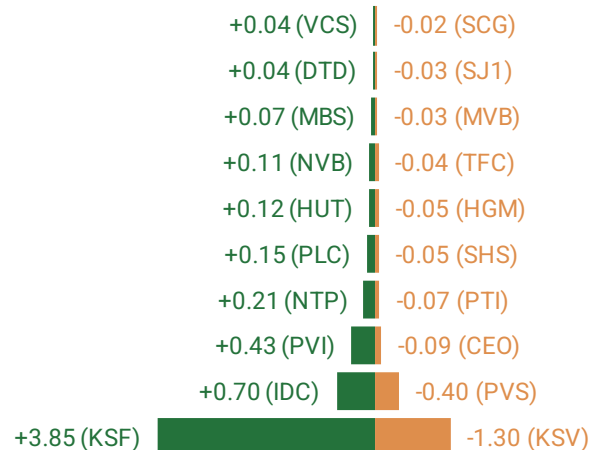
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



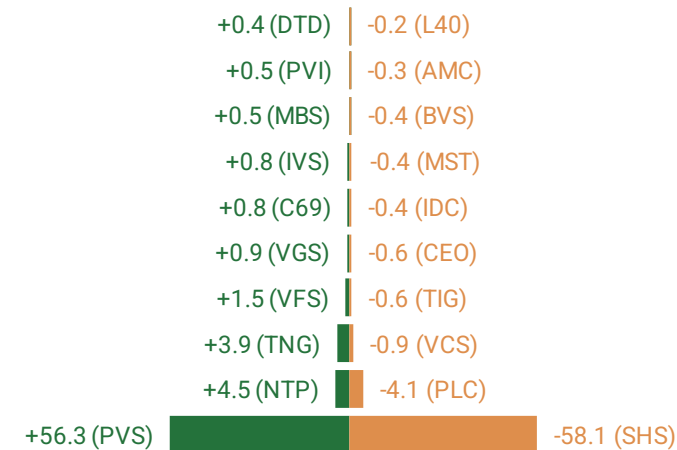
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



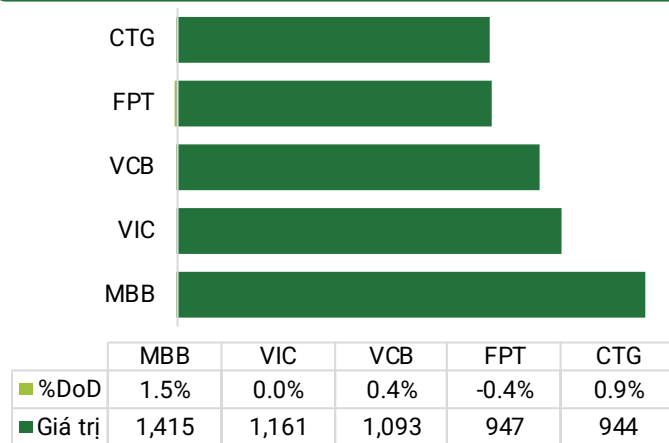
TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



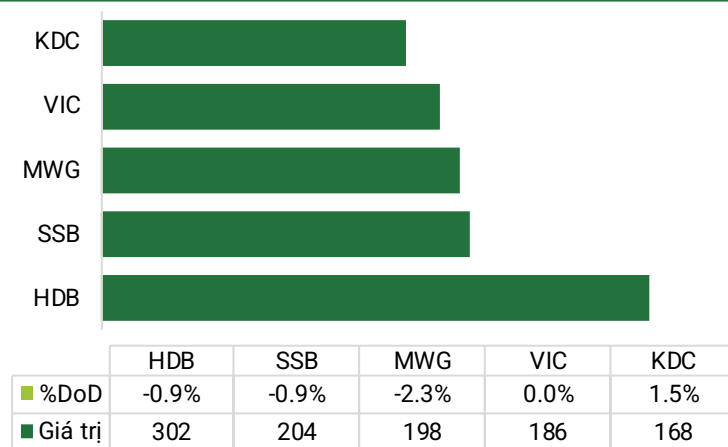
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

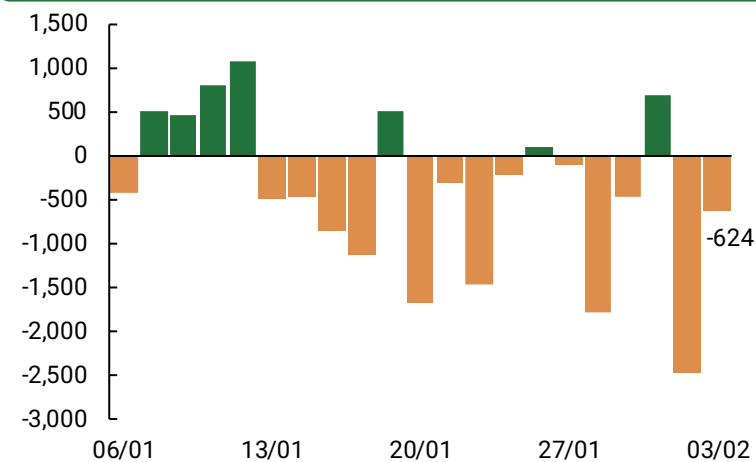


TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

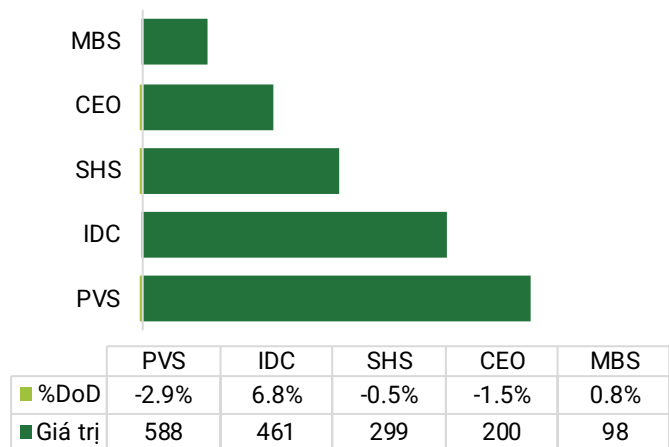


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

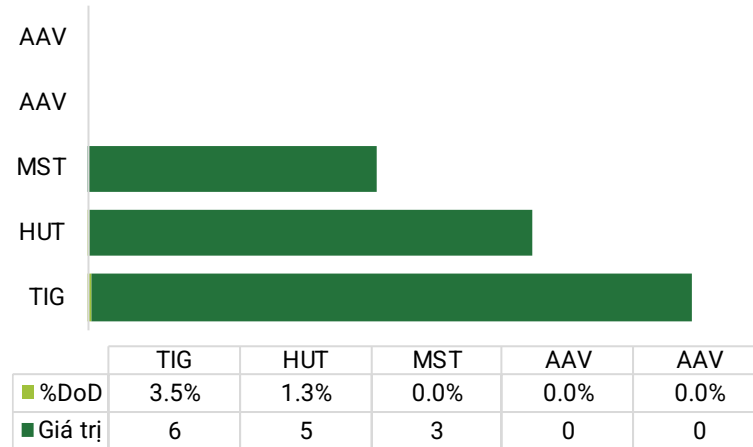
GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



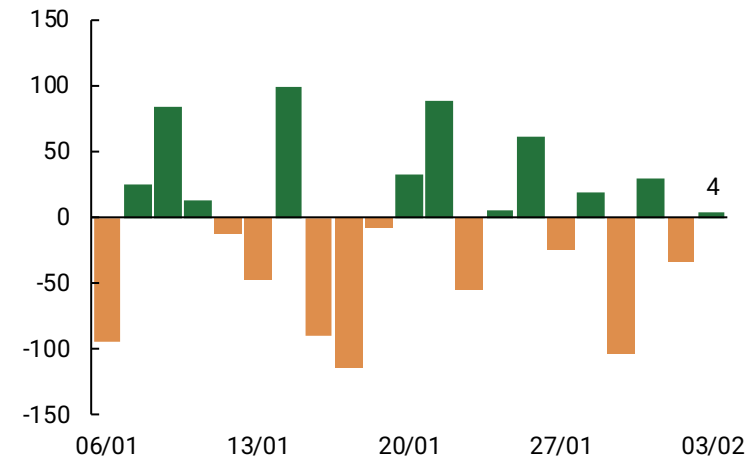
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Shooting Star, vol giảm về dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1860 - 1880.
- ✓ Chỉ báo RSI cải thiện chưa rõ ràng, MACD dưới đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha điều chỉnh.

Kịch bản: Chỉ số tiếp tục rung lắc quanh vùng hỗ trợ tâm lý 1800 điểm. Thanh khoản duy trì mức thấp hàm ý dòng tiền còn thận trọng và chất lọc cơ hội. Trạng thái có lẽ vẫn nghiêng về giằng co kiểm định thêm xu hướng. Hiện kháng cự ở chiều hồi phục quanh ngưỡng 1850 – 1860 điểm trong khi hỗ trợ gần là ngưỡng 1770 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning Top, vol giảm dưới mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1960 - 1980.
- ✓ Kháng cự: 2050 - 2060.
- ✓ Chỉ báo RSI cải thiện chưa rõ ràng, MACD dưới đường tín hiệu.
- ✓ Xu hướng: Phục hồi kỹ thuật trong pha điều chỉnh.

➔ Chỉ số lùi về lại khu vực tâm lý 2000 điểm. Dù vậy, thanh khoản duy trì mức thấp hàm ý cung bán chưa gây áp lực và dao động vẫn nghiêng về rung lắc, củng cố lại đà phục hồi. Kháng cự trong chiều hồi phục hiện quanh ngưỡng 2050 – 2060 điểm, trong khi hỗ trợ gần là ngưỡng 1970 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical			Financial Ratio	
Ticker	SAB	BUY	Current price		52.1	P/E (x)	15.4
Exchange	HOSE		Action price	04/02	51.4 - 52.1	P/B (x)	2.94
Sector	Brewers		Target price		58	EPS	3373.4
			Cut loss		48	ROE	18.9%
						Stock Rating	A
						Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Gía kiểm định tốt MA20 ngày.
- Chỉ báo MACD cắt lên đường tín hiệu, cùng với RSI vận động trên mức trung bình, hàm ý động lượng tăng phục hồi.
- Thanh khoản cải thiện cho thấy dòng tiền quay trở lại.
- MA20 cắt lên MA50 củng cố vị thế trung hạn

➔ Xu hướng điều chỉnh lành mạnh và khả năng quay lại quán tính tăng.

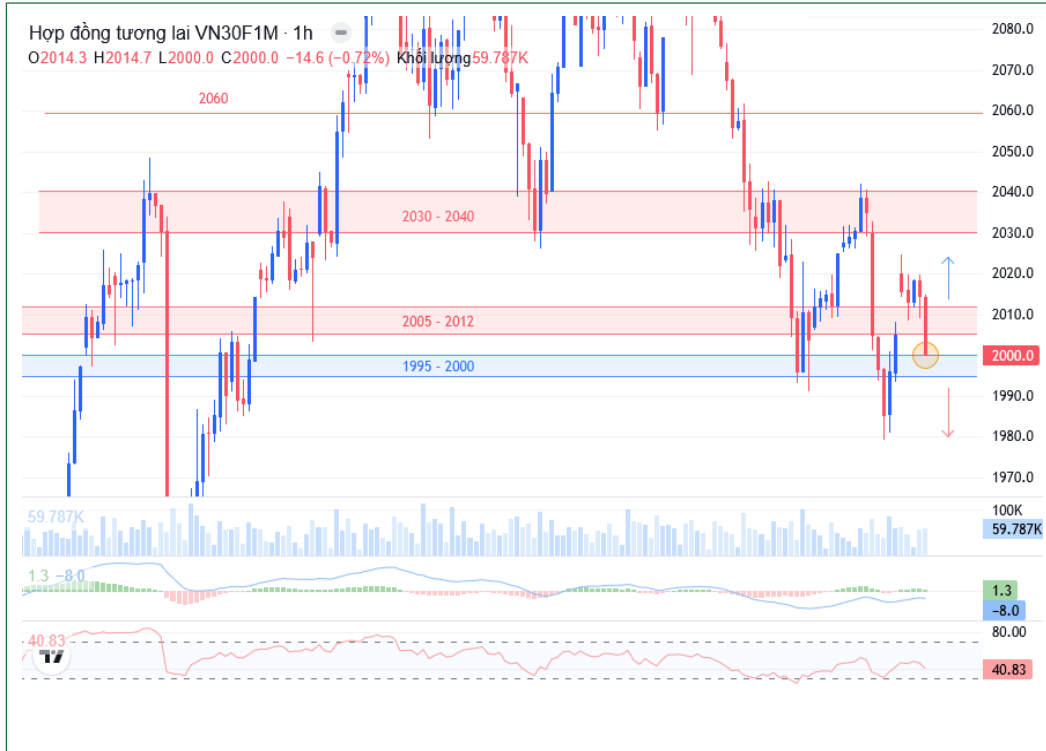
➔ Khuyến nghị Mua, có thể tận dụng tín hiệu rung lắc quanh khu vực 51 - 52.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá theo dõi	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	SAB	Mua	04/02/2026	52.1	51.4 – 52.1	-	58.0	12.2%	48	-7.2%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	ACV	Mua	22/01/2026	-	56.00	59 - 60	-5.9%	70.0	17.6%	54	-9.2%	
2	MSN	Mua	23/01/2026	-	83.80	79.4 – 79.9	5.2%	88.0	10.5%	75	-6.0%	
3	FPT	Mua	26/01/2026	-	103.90	100 - 101	3.4%	112.0	11.4%	95.0	-5.5%	
4	PC1	Mua	30/01/2026	-	25.70	23.6 - 24	8.0%	26.5	11.3%	22.4	-5.9%	
5	TVN	Mua	30/01/2026	-	8.82	8.6 – 8.8	1.3%	10.0	14.9%	8	-8.0%	
6	DCM	Mua	02/02/2026	-	37.60	36.2 – 36.6	3.3%	41.0	12.6%	34	-6.6%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2000 điểm, giảm 4.9 điểm (-0.2%). Vận động khởi sắc trong phiên sáng nhưng mất đà vào phiên chiều và áp lực điều chỉnh trở lại chi phối.
- Ở đồ thị 1 giờ**, giá hình thành mẫu hình nến giảm Marubozu cùng với RSI hạ nhiệt, hàm ý áp lực điều chỉnh trở lại chi phối. Dù vậy, khu vực quanh 2000 điểm cũng là vùng hỗ trợ tâm lý, nên diễn biến có thể nghiêng về tín hiệu hạ nhiệt kiểm định lại mốc này. Vận động có khả năng rung lắc mạnh, nên chờ giá xác nhận xu hướng rõ ràng việc vào lệnh sẽ tối ưu hơn. Vị thế Short cân nhắc khi giá lùi về thấp hơn ngưỡng 1994. Vị thế Long cân nhắc khi giá phục hồi và củng cố trên ngưỡng 2014.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1873.1, tăng 5.5 điểm (+0.3%). Độ lệch basis +0.5 điểm (cao hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh giảm, đạt 41 HĐ. Hỗ trợ gần hiện quanh khu vực 1860 điểm, trong khi kháng cự ở chiều hồi phục là ngưỡng 1890 điểm.

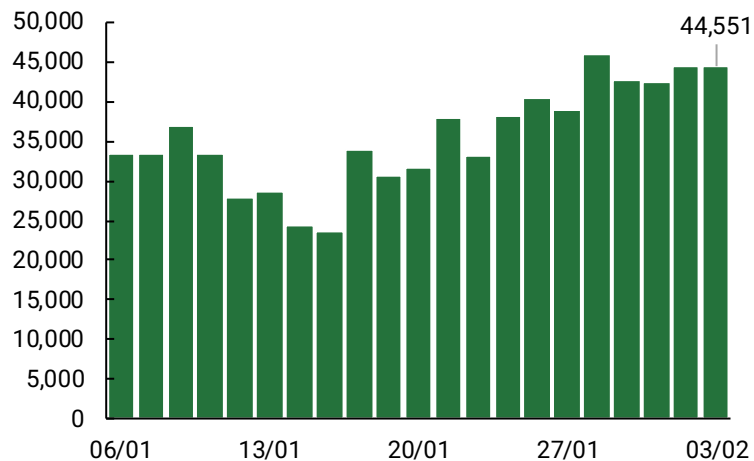
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Long	> 2014	2026	2006	12 : 08
Short	< 1994	1982	2002	12 : 08

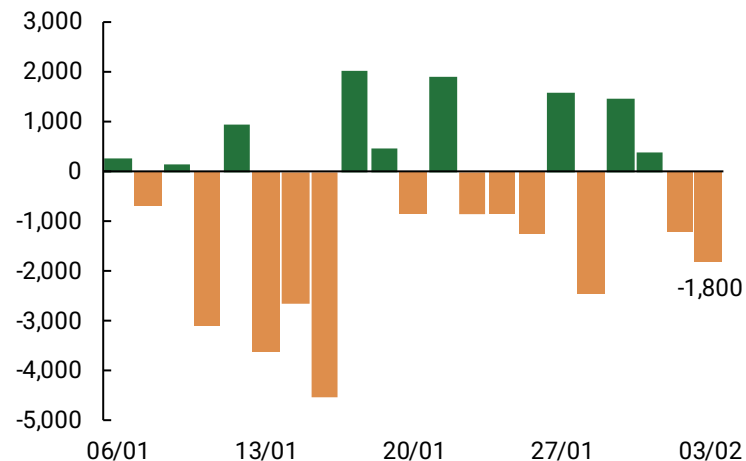
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
4111G9000	2,000.6	6.8	44	158	2,010.1	-9.5	17/09/2026	226
4111G6000	1,993.6	-11.4	31	347	2,005.1	-11.5	18/06/2026	135
4111G3000	1,998.2	-5.6	1,047	2,557	2,000.1	-1.9	19/03/2026	44
4111G2000	2,000.0	-4.9	237,367	44,551	1,998.2	1.8	13/02/2026	10
4112G2000	1,873.1	5.5	41	32	1,873.1	0.0	13/02/2026	10

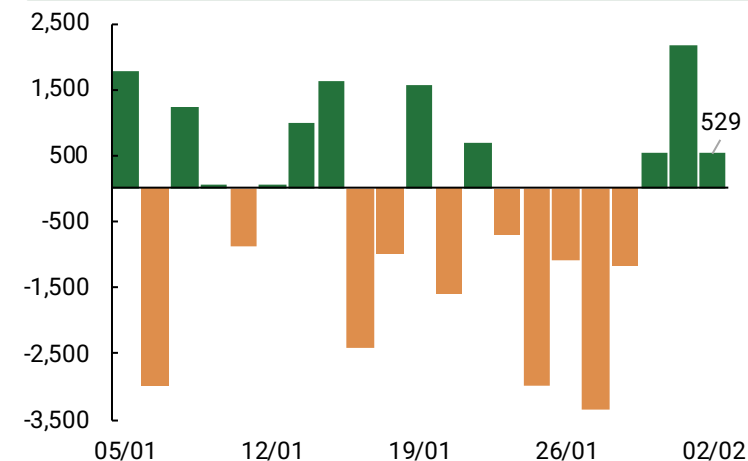
Khối lượng mở (Open interest)



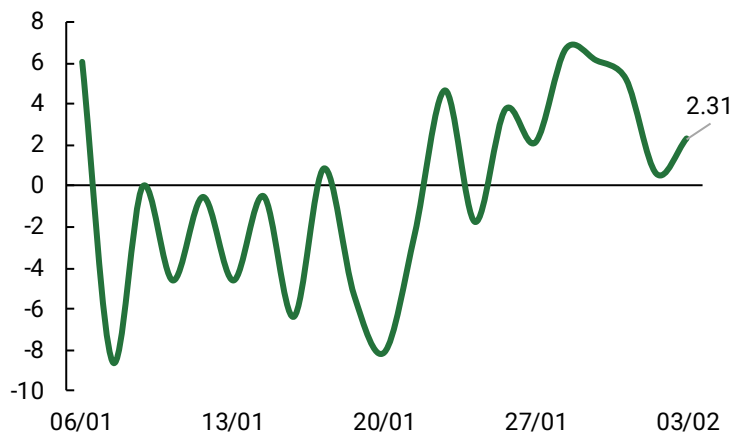
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại
(Hợp đồng)



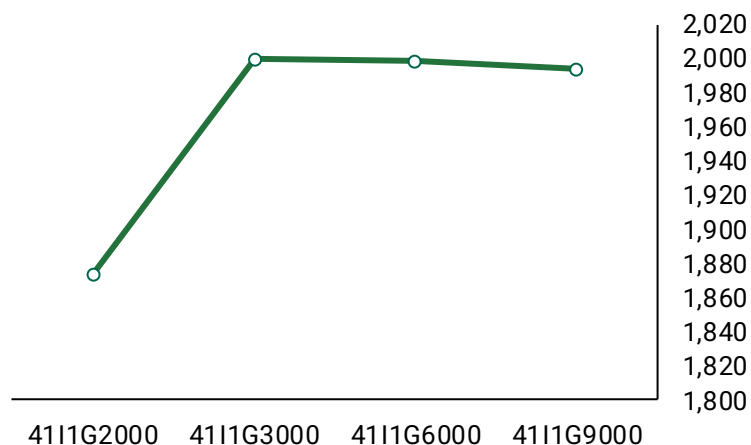
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh
(Hợp đồng)



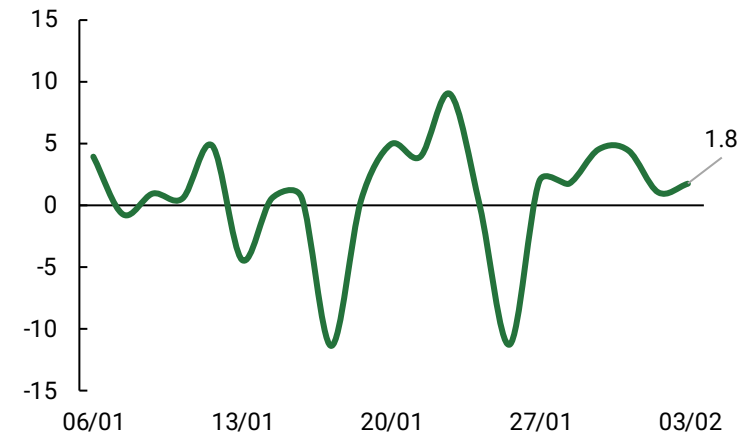
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	72,000	65,400	-9.2%	Giảm tỷ trọng
BCM	74,000	74,500	0.7%	Nắm giữ
CTG	39,700	45,200	13.9%	Tăng tỷ trọng
CTD	84,200	87,050	3.4%	Nắm giữ
CTI	24,000	27,200	13.3%	Tăng tỷ trọng
DBD	54,300	68,000	25.2%	Mua
DDV	30,503	35,900	17.7%	Tăng tỷ trọng
DGC	67,900	99,300	46.2%	Mua
DGW	56,000	48,300	-13.8%	Bán
DPG	44,000	53,100	20.7%	Mua
DPR	44,450	46,500	4.6%	Nắm giữ
DRI	12,939	17,200	32.9%	Mua
EVF	11,850	14,400	21.5%	Mua
FRT	174,000	157,600	-9.4%	Giảm tỷ trọng
GMD	72,900	77,000	5.6%	Nắm giữ
HAH	59,400	67,600	13.8%	Tăng tỷ trọng
HDG	27,650	34,500	24.8%	Mua
HHV	12,300	12,300	0.0%	Nắm giữ
HPG	26,750	34,200	27.9%	Mua
IMP	54,100	55,000	1.7%	Nắm giữ
KDH	26,850	38,800	44.5%	Mua

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	27,700	22,700	-18.1%	Bán
MSH	39,200	43,100	9.9%	Nắm giữ
MWG	91,500	99,600	8.9%	Nắm giữ
NLG	28,550	39,900	39.8%	Mua
NT2	26,600	27,700	4.1%	Nắm giữ
PHR	67,900	72,800	7.2%	Nắm giữ
PNJ	120,000	113,300	-5.6%	Giảm tỷ trọng
PVS	46,700	39,900	-14.6%	Bán
PVT	21,900	18,900	-13.7%	Bán
SAB	52,100	57,900	11.1%	Tăng tỷ trọng
SSI	30,900	39,200	26.9%	Mua
TLG	52,300	53,400	2.1%	Nắm giữ
TCB	34,700	35,650	2.7%	Nắm giữ
TCM	27,850	37,900	36.1%	Mua
TRC	78,600	94,800	20.6%	Mua
VCB	71,800	84,200	17.3%	Tăng tỷ trọng
VPB	27,500	37,000	34.5%	Mua
VCG	19,200	26,200	36.5%	Mua
VHC	68,200	60,000	-12.0%	Bán
VNM	71,600	66,650	-6.9%	Giảm tỷ trọng
VSC	22,200	17,900	-19.4%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

- 02/02 Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
- 05/02 EU – ECB họp và quyết định lãi suất
Anh – BOE họp và quyết định lãi suất
- 06/02 Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
Việt Nam – Dữ liệu kinh tế vĩ mô
- 09/02 Trung Quốc – Chỉ số CPI, PPI
- 10/02 Mỹ - Doanh số bán lẻ
- 11/02 Mỹ – Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
Việt Nam – MSSl công bố danh mục
- 16/02 Nhật Bản – Tăng trưởng GDP ước tính
- 19/02 Mỹ - Biên bản họp FOMC
Việt Nam – Đảo hạn phái sinh
- 20/02 Mỹ - PCE lõi, Ước tính GDP lần đầu
- 24/02 Trung quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 27/02 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI)

THÔNG TIN VĨ MÔ

Lãi suất chào qua đêm liên ngân hàng bất ngờ vọt lên 9,1%: Theo số liệu từ Hội nghiên cứu thị trường liên ngân hàng Việt Nam (VIRA), ngày 2/2, lãi suất chào bình quân liên ngân hàng VND ghi nhận tăng mạnh 0.2 – 3.9 điểm % ở hầu hết các kỳ hạn từ một tháng trở xuống ngoại trừ đi ngang ở kỳ hạn hai tuần so với phiên cuối tuần trước. Theo đó, lãi suất qua đêm tăng lên 9.1%/năm, mức cao kỷ lục trong 12 năm trở lại đây. Lãi suất kỳ hạn 1 tuần giao dịch tại 9.6%/năm. Trong khi đó, lãi suất kỳ hạn 2 tuần giữ nguyên ở mức 6.4%/năm, còn lãi suất kỳ hạn 1 tháng tăng nhẹ lên 7.5%/năm.

Ông Trump thông báo đạt thoả thuận với Ấn Độ: Theo CNBC, trong một bài đăng trên mạng xã hội Truth Social vào ngày 2/2, Tổng thống Donald Trump thông báo Mỹ và Ấn Độ đã đạt thoả thuận thương mại và hai nước sẽ ngay lập tức giảm thuế quan đối với hàng hoá của nhau. Theo đó, Mỹ sẽ giảm thuế quan đối với hàng hoá Ấn Độ từ 50% xuống 18%.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

PC1 - Lợi nhuận ròng lần đầu vượt 1,000 tỷ đồng: Quý IV/2025, Tập Đoàn PC1 ghi nhận doanh thu nhảy vọt gần gấp đôi cùng kỳ, lần đầu tiên đạt trên 5,000 tỷ đồng. Hoạt động tài chính cũng là điểm sáng khi doanh thu đạt mức 94 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí, công ty báo lãi sau thuế 660 tỷ đồng, gấp 5 lần cùng kỳ, là mức lợi nhuận cao nhất từng đạt được trong một quý. Tính chung cả năm, PC1 báo cáo doanh thu tăng trưởng 30% đạt trên 13,000 tỷ đồng. Cộng thêm hoạt động tài chính tích cực, tập đoàn có lợi nhuận sau thuế 1,365 tỷ đồng, tăng 92% so với năm liền trước.

KBC - Lợi nhuận 2025 vượt mốc 2000 tỷ: Quý IV/2025, KBC ghi nhận doanh thu thuần hơn 1,648 tỷ đồng, tăng 111% so với cùng kỳ. Lợi nhuận ròng đạt gần 652 tỷ đồng, gấp hơn 21 lần quý IV/2024, nhờ doanh thu khu công nghiệp tăng mạnh và khoản thu nhập khác gần 321 tỷ đồng từ chênh lệch đánh giá lại tài sản trong hợp nhất kinh doanh. Lũy kế cả năm 2025, doanh thu thuần đạt hơn 6,687 tỷ đồng (gấp 2.4 lần cùng kỳ). Động lực tăng trưởng chủ yếu đến từ mảng cho thuê đất và cơ sở hạ tầng, mang về 4,395 tỷ đồng, chiếm khoảng 65% tổng doanh thu. Các nguồn thu khác bao gồm chuyển nhượng bất động sản (1,459 tỷ đồng), cung cấp nước sạch, điện và phí dịch vụ (471 tỷ đồng), cho thuê kho, nhà xưởng (227 tỷ đồng)... Lợi nhuận sau thuế đạt trên 2,200 tỷ đồng, gấp hơn 5 lần cùng kỳ và là mức cao thứ hai trong lịch sử hoạt động của doanh nghiệp.

REE kết năm lãi cao thứ 2 lịch sử dù quý 4 đi lùi: Công ty ghi nhận doanh thu thuần gần 2.9 ngàn tỷ đồng trong quý 4, tăng 23% so với cùng kỳ. Dù vậy, giá vốn tăng mạnh hơn doanh thu khiến lợi nhuận gộp chỉ tăng nhẹ 2.4%, đạt hơn 1 ngàn tỷ đồng. Phần lãi từ công ty liên doanh, liên kết giảm hơn 15%, còn hơn 233 tỷ đồng. Theo giải trình, lợi nhuận giảm chủ yếu do kết quả đi lùi của các công ty thủy điện thành viên (như VSH, TMP...). Lợi nhuận từ các công ty liên kết mảng bất động sản cũng giảm, trong khi phải thực hiện trích lập dự phòng nợ tại mảng cơ điện lạnh. Cùng với khoản lỗ khác 33 tỷ đồng, REE báo lãi ròng 619 tỷ đồng, đi lùi 9%. Dù vậy, nhờ kết quả kinh doanh khởi sắc trong các quý trước đó, kết quả cả năm 2025 của REE vẫn tích cực. Doanh thu thuần đạt hơn 10 ngàn tỷ đồng, tăng 19% so với năm trước; lãi ròng hơn 2.5 ngàn tỷ đồng, tăng 27%.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415